

CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUỖI CUNG ỨNG DU LỊCH VỀ TÀI CHÍNH TẠI VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG VÀ DUYÊN HẢI ĐÔNG BẮC

TS. Đỗ Minh Phượng*

Bài viết kiểm định tác động của 3 yếu tố: cấu hình, quan hệ và điều phối đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng du lịch về tài chính tại Việt Nam và nghiên cứu vai trò điều tiết của sự phụ thuộc lẫn nhau trong mối quan hệ này. Nghiên cứu thực hiện điều tra 250 doanh nghiệp du lịch tại Việt Nam (bao gồm nhà cung cấp, doanh nghiệp lữ hành và đại lý du lịch) và sử dụng SPSS 22 để phân tích. Kết quả nghiên cứu cho thấy, các yếu tố cấu hình, quan hệ và điều phối có tác động tích cực đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về du lịch về tài chính. Sự phụ thuộc lẫn nhau được xác định có vai trò điều tiết tích cực mối quan hệ giữa 3 yếu tố và kết quả hoạt động chuỗi cung ứng du lịch về tài chính. Các phát hiện có ý nghĩa với các doanh nghiệp du lịch nói chung và doanh nghiệp lữ hành nói riêng, giúp các bên có góc nhìn bao quát hơn khi đánh giá kết quả hoạt động chuỗi cung ứng du lịch.

• Từ khóa: chuỗi cung ứng, kết quả hoạt động chuỗi cung ứng du lịch, cấu hình, quan hệ, điều phối, sự phụ thuộc lẫn nhau.

The article examines the impact of three factors: configuration, relationships, and coordination on the financial performance of the tourism supply chain in Vietnam and explores the moderating role of interdependence in this relationship. The study surveyed 250 tourism businesses in Vietnam (including suppliers, travel companies, and travel agents) and used SPSS 22 for analysis. The research results show that configuration, relationships, and coordination positively affect the performance of the tourism supply chain. Interdependence was identified as a positive moderator of the relationship between the three factors and the financial performance of the tourism supply chain. The findings are meaningful for travel companies and tourism businesses, providing them with a broader perspective when evaluating tourism supply chain performance.

• Key words: supply chain, tourism supply chain performance, configuration, relationships, coordination, interdependence.

JEL code: L83

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, chuỗi cung ứng du lịch (CCUDL), đã trở thành đối tượng nghiên cứu thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và nhà quản lý (Lis và cộng sự, 2020). Cụ thể, Zhang và Murphy (2009) nhấn mạnh rằng việc đo lường kết quả hoạt động chuỗi cung ứng không chỉ cần thiết cho quản

Ngày gửi bài: 14/11/2024

Ngày gửi phản biện: 20/11/2024

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 28/11/2024

Ngày chấp nhận đăng: 30/12/2024

trị chuỗi cung ứng mà còn ảnh hưởng đến các hoạt động của tất cả thành viên tham gia. Capaldo và Giannoccaro (2015) đã xem xét tác động của yếu tố niềm tin đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng, với sự điều chỉnh của yếu tố sự phụ thuộc lẫn nhau. Tại Việt Nam, nghiên cứu về CCUDL cũng đang nhận được sự quan tâm đáng kể. Tuy nhiên, với những hiểu biết của mình, tác giả chưa tìm thấy nghiên cứu đồng thời về: cấu hình, quan hệ, điều phối có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính với sự điều tiết của sự phụ thuộc lẫn nhau trong CCUDL tại vùng ĐBSH&DHĐB. Chính vì vậy, bài viết thực hiện nhằm mục đích đo lường ảnh hưởng của các yếu tố trên dưới sự điều tiết của sự phụ thuộc lẫn nhau đến kết quả hoạt động CCUDL về tài chính.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu

Cấu hình: Theo Lu (2011), hoạt động quản trị chuỗi cung ứng gắn liền với 3 yếu tố: cấu hình chuỗi cung ứng, quan hệ chuỗi cung ứng và điều phối chuỗi cung ứng. Trong đó, Lu (2011) định nghĩa, cấu hình chuỗi cung ứng là một thành tố về một chuỗi cung ứng được kết cấu từ tất cả các thành viên tham gia chuỗi. Ngoài ra, Zhang và cộng sự (2011) cũng đã tìm thấy

* Trường Đại học Thương mại

liên hệ tích cực và đáng kể giữa cấu hình và kết quả hoạt động tài chính. Do đó, một giả thuyết được đề xuất như sau:

H1: Cấu hình có tác động tích cực đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính

Quan hệ: Quan hệ chuỗi cung ứng được hiểu như một quá trình thiết lập mối liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp cùng nhau, cùng hướng tới mục tiêu chung và đảm bảo lợi ích cho tất cả các bên (Mentzer và cộng sự, 2001). Nhiều nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng quan hệ có ảnh hưởng tích cực đến kết quả hoạt động về tài chính CCUDL như: Simatupang và Sridharan (2002); Piboonburnroj (2012). Do đó, một giả thuyết được đề xuất như sau:

H2: Quan hệ có tác động tích cực đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính

Điều phối: Lee và cộng sự (1997) cho rằng điều phối là quá trình kết hợp các kênh hoạt động hiệu quả và chia sẻ thông tin để tăng khả năng cung ứng tổng thể chuỗi cung ứng. Zang và cộng sự (2009) cho rằng, điều phối CCUDL sẽ mang lại một CCUDL phát triển về lợi thế cạnh tranh, khi nhu cầu có tính không chắc chắn cao. Do đó, một giả thuyết được đề xuất như sau:

H3: Điều phối có tác động tích cực đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính

Sự phụ thuộc lẫn nhau: Sự phụ thuộc lẫn nhau tồn tại khi một chủ thể không hoàn toàn kiểm soát được tất cả các điều kiện cần thiết để đạt được một hành động hoặc một kết quả mong muốn (Dubois và cộng sự, 2003). Trong đó, chuỗi cung ứng phụ thuộc mạnh mẽ vào sự tồn tại của Sự phụ thuộc lẫn nhau liên tục giữa các hoạt động theo Richardson (1972). Trong bối cảnh chuỗi cung ứng, khi các đối tác trong chuỗi cung ứng trở nên phụ thuộc lẫn nhau nhiều hơn, làm gia tăng số lượng tương tác giữa họ, việc quản lý chuỗi cung ứng trở nên ngày càng khó khăn hơn do cần phải giải quyết các mục tiêu mâu thuẫn giữa các đối tác và đồng bộ hóa một số lượng lớn các hoạt động trong toàn bộ chuỗi cung ứng đòi hỏi hoạt động điều phối trong chuỗi cung ứng để giải quyết các vấn đề này. (Krishnan và cộng sự, 2006; Nair và cộng sự, 2009; Dubois và cộng sự, 2003; Capaldo và Giannoccaro, 2015). Do đó, giả thuyết được đề xuất như sau:

H4: Sự phụ thuộc lẫn nhau điều tiết tích cực mối quan hệ giữa cấu hình và Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính

H5: Sự phụ thuộc lẫn nhau điều tiết tích cực mối quan hệ giữa quan hệ và Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính

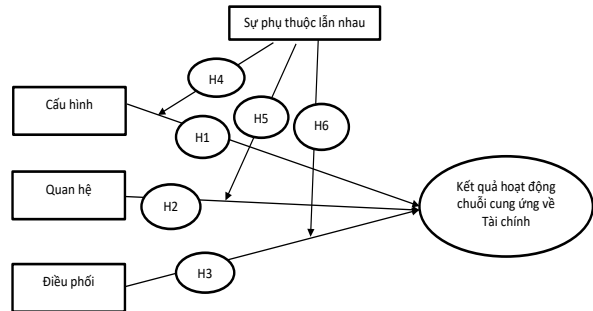
H6: Sự phụ thuộc lẫn nhau điều tiết tích cực mối

quan hệ giữa điều phối và Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính.

Mô hình nghiên cứu đề xuất

Từ các giả thuyết nghiên cứu nói trên, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu như Hình 1.

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Tác giả xây dựng

Phương pháp nghiên cứu

Tổng thể nghiên cứu là toàn bộ các nhà cung cấp du lịch, các doanh nghiệp lữ hành (DNLH) và các đại lý du lịch (ĐLLH) tại vùng ĐBSH&DHĐB. Nghiên cứu lựa chọn cỡ mẫu tổng số có 350 phiếu được phát đến các ứng viên. Sau quá trình thu thập số liệu, tác giả tiến hành nhập liệu và làm sạch dữ liệu từ các phiếu hỏi được phát trực tiếp hoặc gửi qua thư điện tử đến các nhà quản trị với sự trợ giúp của các sinh viên và cựu sinh viên của Khoa Khách sạn - Du lịch, hiện đã và đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn vùng ĐBSH&DHĐB (thời gian từ 1/3/2024 - 1/6/2024). Số phiếu thu về là 250 phiếu phù hợp (125 phiếu từ các nhà cung cấp du lịch, 62 phiếu từ các DNLH, 63 phiếu từ các ĐLLH) chủ yếu ở Hà Nội, Quảng Ninh và Hải Phòng.

Các phát biểu về yếu tố Cấu hình, Quan hệ, Điều phối, Sự phụ thuộc lẫn nhau và Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính dựa trên thang đo Likert 5 điểm từ 1= “Hoàn toàn không đồng ý” đến 5 = “Rất đồng ý”.

3. Kết quả nghiên cứu

Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Bảng 1 trình bày và kiểm tra độ tin cậy và EFA. Có thể thấy rằng hệ số Cronbach’s Alpha của tất cả các biến nằm trong khoảng từ 0,803 đến 0,855 (tất cả > 0,7) và hệ số tải nhân tố đều lớn hơn 0,5. Do đó, kết luận phân tích nhân tố là phù hợp. Bảng 3 cũng cho thấy các chỉ số về độ tin cậy, giá trị hội tụ và giá trị tải nhân tố được chuẩn hóa cho thấy độ tin cậy của mô hình đo lường đã đạt được trong nghiên cứu này.

Bảng 2 cho thấy, giá trị trung bình và độ lệch chuẩn của các biến lần lượt là: Cấu hình 2,16 (0,86); Quan hệ 4,23 (0,52); Điều phối 4,00 (0,71); Sự phụ thuộc lẫn

nhau 4,14 (0,58); Kết quả hoạt động cuối cùng ứng về tài chính 4,16 (0,57).

Bảng 1: Kết quả phân tích nhân tố khẳng định, độ giá trị và độ tin cậy thang đo

Tên biến	Hệ số tải chuẩn hóa	Giá trị TB	Cronbach's Alpha	Độ lệch chuẩn
Cấu hình (CH)		2.16	0.852	0.86
CH1: Số lượng và cơ cấu thành viên chuỗi cung ứng chuyên môn cao	0.894	2.20		1.011
CH2: Khoảng cách từ nhà cung cấp đến khách hàng đủ rộng và đáp ứng yêu cầu.	0.867	2.27		0.996
CH3: Kênh phân phối của doanh nghiệp thiết kế hiệu quả và đa dạng	0.863	2.04		0.950
Quan hệ (QH)		4.23	0.803	0.52
QH1: Chia sẻ thông tin giữa các thành viên chuỗi cung ứng được chia sẻ đầy đủ	0.720	4.13		0.788
QH2: Chia sẻ khối lượng và giá cả trong chuỗi cung ứng phù hợp.	0.619	4.16		0.807
QH3: Chia sẻ tầm nhìn và ý tưởng hữu ích trong chuỗi cung ứng	0.736	4.21		0.694
QH4: Chia sẻ kế hoạch đầu tư hiệu quả giữa các thành viên	0.576	4.30		0.689
QH5: Chia sẻ và cập nhật quá trình giới thiệu sản phẩm mới	0.629	4.44		0.698
QH6: Chia sẻ thông tin tài chính chính xác và cập nhật	0.836	4.20		0.737
Điều phối (DP)		4.00	0.841	0.71
DP1: Năng lực cung ứng được điều phối phù hợp với yêu cầu đầu vào cho khách hàng	0.763	4.10		0.839
DP2: Dự báo hoạt động chung cho tất cả thành viên thống nhất và có tính chiến lược	0.767	4.08		0.813
DP3: Việc lập kế hoạch cung ứng được điều phối chính xác và phù hợp	0.825	3.87		0.898
DP4: Dịch vụ khách hàng được điều phối kịp thời và hiệu quả	0.796	3.98		0.927
Sự phụ thuộc lẫn nhau (SPT)		4.14	0.855	0.58
SPT1: Doanh nghiệp có thể chấm dứt liên minh chiến lược với nhà cung cấp hiện tại và triển khai một chiến lược mới.	0.744	3.96		0.863
SPT2: Nếu mất khách hàng lớn hiện tại, doanh nghiệp dễ dàng tìm khách mới	0.756	4.18		0.745
SPT3: Thời gian thiết lập liên minh chiến lược mới để thay thế sẽ rất lâu đối với DN	0.700	4.23		0.711
SPT4: Việc thay thế một khách hàng hiện chiến lược mới sẽ mất nhiều thời gian cho DN	0.621	4.07		0.744
SPT5: Chi phí để thiết lập một liên minh chiến lược mới thay thế sẽ rất cao.	0.703	4.28		0.736
SPT6: Việc thiết lập mối quan hệ đối tác KH chiến lược mới sẽ tốn kém đáng kể	0.857	4.16		0.766
Kết quả hoạt động về tài chính (KQ)		4.16	0.839	0.57
KQ1: Tổng chi phí của từng thành viên khi tham gia chuỗi cung ứng giảm.		4.22		0.747
KQ2: Chi phí phân phối của từng thành viên khi tham gia chuỗi cung ứng giảm.		4.27		0.720
KQ3: Chi phí thiết kế của từng thành viên khi tham gia chuỗi cung ứng giảm.		4.28		0.750
KQ4: Tỷ lệ hoàn vốn của từng thành viên khi tham gia chuỗi cung ứng nhanh.		4.13		0.791
KQ5: Tổng doanh thu của từng thành viên khi tham gia chuỗi cung ứng tăng		4.06		0.815
KQ6: Lợi nhuận của từng thành viên khi tham gia chuỗi cung ứng tăng		4.05		0.805

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 2 cho thấy, R-square = 0,2463; F(3,246) = 26,799; P < 0,001, hơn nữa ảnh hưởng Cấu hình đến Kết quả hoạt động về tài chính có ý nghĩa thống kê, B = 0,49; (SE = 0,26), t(249) = 1,972, p = 0,046. Tác động Sự phụ thuộc lẫn nhau đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính có ý nghĩa thống kê, B = 0,1979; (SE = 0,14), t(249) = 1,979, p = 0,044. Sự tương tác giữa Cấu hình và Sự phụ thuộc có ảnh hưởng về mặt thống kê đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về

tài chính, B = 0,1345, (SE = 0,06), t(249) = 2,07; p = 0,0395. Vì vậy, Cấu hình có tác động tích cực đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính và Sự phụ thuộc đã làm tăng thêm tác động này.

Bảng 2: Kết quả ảnh hưởng của biến điều tiết trong mối quan hệ các biến Cấu hình, Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính và Sự phụ thuộc lẫn nhau

Kết quả mô hình (CH, SPT, KQ)							
	R	R-sq	MSE	F	df1	pf2	p
	0.4963	0.2463	0.2517	26.7990	3.0000	246.0000	0.0000
Mô hình							
	Coeff	se	t	p	LLCI	ULCI	
Hằng số	3.2096	0.5870	5.4680	0.0000	2.0535	4.3658	
CH	0.4958	0.2691	1.9727	0.0466	0.0257	0.0642	
SPT	0.1979	0.1418	1.979	0.0444	0.0813	0.4771	
Int - 1	0.1345	0.0650	2.0702	0.0395	0.0065	0.2625	

Ảnh hưởng có điều kiện SPT đến mối quan hệ						
SPT	Effect	se	t	p	LLCI	ULCI
3.6667	0.1026	0.0464	1.9765	0.0478	0.0939	0.0987
4.1667	0.1046	0.0369	1.998	0.0414	0.0081	0.1374
4.8333	0.1543	0.0600	2.5715	0.0361	0.0361	0.2725

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 3: Kết quả ảnh hưởng của biến điều tiết trong mối quan hệ các biến Quan hệ, Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính và Sự phụ thuộc lẫn nhau

Kết quả mô hình (QH, SPT, KQ)							
	R	R-sq	MSE	F	df1	pf2	p
	0.5538	0.3067	0.2315	36.2734	3.0000	246.0000	0.0000
Mô hình							
	Coeff	se	t	p	LLCI	ULCI	
Hằng số	-0.1832	1.6520	-0.1109	0.9118	-3.4370	3.0706	
QH	0.6921	0.3945	1.9843	0.0486	0.0850	1.4692	
SPT	0.7136	0.4064	1.9690	0.0490	0.0868	1.5140	
Int - 1	0.0872	0.1055	1.9733	0.0460	0.2753	0.1009	
Ảnh hưởng có điều kiện SPT đến mối quan hệ							
SPT	Effect	se	t	p	LLCI	ULCI	
1.0567	0.1620	0.0446	1.9965	0.0338	0.0193	0.0257	
1.1507	0.1406	0.0509	1.9718	0.0474	0.0281	0.1676	
1.2303	0.1523	0.0570	2.2715	0.0328	0.0813	0.2621	

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 3 cho thấy, R-square = 0.3067 ; F(3,246) = 36.273 P < 0,001, hơn nữa ảnh hưởng về quan hệ đến kết quả hoạt động về tài chính có ý nghĩa thống kê, B = 0,692; (SE = 0,39), t(249) = 1,98; p = 0,048. Tác động Sự phụ thuộc đến kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính có ý nghĩa thống kê, B = 0,713; (SE = 0,40); t(249) = 1.969; p = 0,049. Hơn nữa, sự tương tác giữa Quan hệ và Sự phụ thuộc có ảnh hưởng về mặt thống kê đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính, B = 0,0872, (SE = 0,10), t(249) = 1,973; p = 0,046. Vì vậy, Quan hệ có tác động tích cực đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính và Sự phụ thuộc đã làm tăng thêm tác động này.

Bảng 4 cho thấy R-square = 0,2817; F(3,246) = 32,16; P < 0,001, hơn nữa sự ảnh hưởng Điều phối đến Kết quả hoạt động về tài chính có ý nghĩa thống kê, B = 0,73 (SE = 0,251), t(249) = 2,90; p = 0,004. Tác động Sự phụ thuộc đến Kết quả hoạt động chuỗi

cung ứng về tài chính có ý nghĩa thống kê, $B = 0,885$; $(SE = 0,2342)$, $t(249) = 3,7825$, $p < 0,001$. Hơn nữa, sự tương tác giữa Điều phối và Sự phụ thuộc có ảnh hưởng về mặt thống kê đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính, $B = 0,1348$, $(SE = 0,06)$, $t(249) = 2,23$; $p = 0,0264$. Vì vậy, Điều phối có tác động tích cực đến Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính và Sự phụ thuộc đã làm tăng thêm tác động này.

Bảng 4: Kết quả ảnh hưởng của biến điều tiết trong mối quan hệ các biến Điều phối, Kết quả hoạt động chuỗi cung ứng về tài chính và Sự phụ thuộc lẫn nhau

Kết quả mô hình (QH, SPT, KQ)							
	R	R-sq	MSE	F	df1	pf2	p
Mô hình	0.5308	0.2817	0.2398	32.1605	3.0000	246.0000	0.0000
	Coeff	se	t	p	LLCI	ULCI	
Hằng số	-0.1711	0.9483	-0.1804	0.8570	-2.0388	1.6967	
DP	0.7305	0.2517	2.9020	0.0040	0.2347	1.2263	
SPT	0.8858	0.2342	3.7825	0.0002	0.4245	1.3471	
Int - 1	0.1348	0.0604	2.2330	0.0264	0.2537	0.0159	
Ảnh hưởng có điều kiện SPT đến mối quan hệ							
SPT	Effect	se	t	p	LLCI	ULCI	
3.6667	0.2361	0.0541	4.3628	0.0000	0.1295	0.3428	
4.1667	0.1687	0.0478	3.5313	0.0005	0.0746	0.2628	
4.8333	0.0789	0.0652	1.9687	0.2280	0.0496	0.2074	

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Bảng 5: Kết quả ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc

Biến	Hệ số					
	Hệ số không chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa		t	Sig.
	B	Std. Error	Beta			
1	Hằng số	1.443	.287		5.031	.000
	QH	.403	.064	.367	6.331	.000
	CH	.085	.036	.129	2.368	.019
	DP	.207	.046	.258	4.458	.000

a. Biến phụ thuộc: KQ

Nguồn: Kết quả phân tích SPSS

Từ bảng 5 các trọng số chuẩn hóa đều mang giá trị dương, nên các biến có ảnh hưởng thuận chiều đến Kết quả hoạt động CCUDL tại vùng ĐBSH&DHĐB. Trong đó, các yếu tố tác động lần lượt đến Kết quả hoạt động CCUDL là quan hệ (0,367); điều phối (0,258) và cấu hình (0,129). Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu: H1, H2, H3, H4, H5, H6 đều được chấp nhận.

4. Kết luận và đóng góp của nghiên cứu

Nghiên cứu này nhằm kiểm định mối quan hệ giữa cấu hình, quan hệ, điều phối và kết quả hoạt động về tài chính chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch tại vùng ĐBSH&DHĐB, cũng như tác động điều tiết của sự phụ thuộc lẫn nhau trong các mối quan hệ này. Kết quả cho thấy cấu hình, quan hệ và điều phối có mối quan hệ tích cực đáng kể với kết quả hoạt động chuỗi cung ứng, với sự phụ thuộc lẫn nhau đóng vai trò điều tiết các mối quan hệ đó (tất cả các giả thuyết đều được chấp nhận).

Nghiên cứu này đóng góp cả về lý thuyết lẫn thực tiễn. Thứ nhất, đây là nghiên cứu đầu tiên xây dựng

và kiểm tra đồng thời 3 yếu tố cấu hình, quan hệ, điều phối và vai trò điều tiết của sự phụ thuộc đến kết quả hoạt động của chuỗi cung ứng về tài chính. Trong đó, tập trung vào tác động điều tiết của sự phụ thuộc lẫn nhau đối với mối quan hệ giữa sự cấu hình, quan hệ, điều phối và sự phụ thuộc lẫn nhau và kết quả hoạt động của CCUDL về tài chính. Thứ hai, từ góc độ thực tiễn, những phát hiện của nghiên cứu này có thể cải thiện sự hiểu biết về cách thức và lý do tại sao các doanh nghiệp du lịch nên chủ động và đồng thời quan tâm và phát triển cấu hình, quan hệ, điều phối trong môi trường cạnh tranh khan hiếm về các nguồn lực và các doanh nghiệp luôn tồn tại phụ thuộc lẫn nhau để nâng cao kết quả hoạt động chung của toàn CCUDL./.

Tài liệu tham khảo:

Capaldo, A., & Giannoccaro, I. (2015). How does trust affect performance in the supply chain? The moderating role of interdependence. *International Journal of Production Economics*, 166, 36-49.

Dubois, A., Hultihén, K., & Pedersen, A. C. (2003, September). Interdependence within and among supply chain. In 12th International IPSERA Conference-Budapest.

Đỗ Minh Phương (2020). 'Phát triển chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch Việt Nam theo hướng bền vững', *Tap chí kinh tế và dự báo*, 13, 65-68

Fantazy, K. A., Kumar, V., & Kumar, U. (2010). 'Supply management practices and performance in the Canadian hospitality industry'. *International Journal of Hospitality Management*, Vol 29 No 4, pp.685-693

Galankashi, M.R., Helmi, S.A., Hisjam, M. and Rahim, A.R.A. (2018b). 'Learnness assessment in automotive industry: case study approach', *International Journal of Value Chain Management*, Vol. 9 No. 1, pp. 70-88.

Guastello, S. J. (1995). Facilitative style, individual innovation, and emergent leadership in problem solving groups. *The Journal of Creative Behavior*; 29(4), 225-239.

Holland, J.H. (1995). *Hidden order*. Reading, UK: Addison-Wesley

Krishnan, R., Martin, X., Noorderhaven, N.G., 2006. When does trust matter to alliance performance? *Acad. Manag. J.* 49, 894-917

Lee, H. L., Padmanabhan, V., & Whang, S. (1997). 'Information distortion in a supply chain: The bullwhip effect', *Management science*, Vol 43 No 4, pp.546-558

Lu Darwei (2011). *Fundamentals of supply chain management*, In Pursuit of World Class Excellence, Ventus Publishing Aps, Frederiksberg, Denmark

Mentzer, John T., William DeWitt, James S. Keebler, Soonhong Min, Nancy W. Nix, Carlo D. Smith and Zach G. Zacharia (2001). 'Defining supply chain management', *Journal of Business Logistics*, Vol 22 No 2, pp. 1-25

Mong, N. C. N., & Hoang, T. (2018). A Measurement Model of City-Based Consumer Patriotism in Developing Countries: The Case of Vietnam. *Journal of Applied Measurement*, 19(4), 442-459.

Nair, A., Narasimhan, R., Choi, T.Y., (2009). Supply networks as a complex adaptive system: toward simulation-based theory building on evolutionary decision making. *Dec. Sci.* 40, 783-815

Nguyễn Quang Hải và cộng sự (2022). Tác động của CCUDL đến chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp lữ hành và sự hài lòng của khách du lịch: Bằng chứng từ đánh giá của khách du lịch nội địa ở Việt Nam. *Tap chí Kinh tế và Phát triển*, (297), 31-40.

Nguyễn Thị Hồng Hải (2018). *Phát triển du lịch Thành phố Hải Phòng trong liên kết vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc*, Luận án Tiến sĩ, Viện chiến lược phát triển, Hà Nội

Nguyễn Đình Thanh (2019). *Về CCUDL*, *Tap chí kinh tế và dự báo*, 36, 32-36.

Piboonrungraj, P. (2012). *Supply chain collaboration: Impacts and mediation on firm performance* (Doctoral dissertation, Cardiff University).

Richardson, W.H. (1972). Bayesian-based iterative method of image restoration. *JoSA*, 62(1), 55-59.

Shelanski, Howard A. and Peter G. Klein (1995). 'Empirical research in transaction cost economics: A review and assessment', *Journal of Law, Economics, and Organization* 11(2), 335- 361.38. Wilding và Humphries, (2006)

Simatupang, Togar M. and R. Sridharan (2002). 'The collaborative supply chain', *International Journal of Logistics Management* 13(1), 15 - 30

Tangen, S. (2004). Performance measurement: from philosophy to practice. *International journal of productivity and performance management*, 53(8), 726-737.

Vũ Thị Hậu (2019). *Phát triển du lịch Mice ở vùng Đồng bằng sông Hồng và duyên hải Đông Bắc*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội

Wilding, Richard and Andrew S. Humphries (2006). 'Understanding collaborative supply chain relationships through the application of the williamson organisational failure framework', *International Journal of Physical Distribution & Logistics Management* 36(4), 309 - 329

Williamson, Oliver E. (2008). 'Outsourcing: Transaction cost economics and supply chain management', *Journal of Supply Chain Management* 44(2), 5-16.

Williamson, Oliver E. (2005a). 'The economics of governance', *American Economic Review* 95(2), 1-18.

Zhang, X., Song, H., and Huang, G.Q (2009). 'Tourism supply chain management: A new research agenda', *Tourism Management*, Vol 30 No 3, pp.345-358

Zhang, S.H., & Cheung, K. L. (2011). 'The impact of information sharing and advance order information on a supply chain with balanced ordering', *Production and Operations Management*, Vol 20 No 2, pp. 253-267

Zhang, Y. and Murphy, P. (2009). 'Supply-chain considerations in marketing underdeveloped regional destinations: A case study of Chinese to Goldfields region of Victoria', *Tourism Management*, Vol 30 No 2, pp. 278-287. efficient integrated simulation-Taguchi approach for sales rate evaluation of a petrol station', *Neural Computing and Applications*, Vol. 29 No. 4, pp. 1073-1085